TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tuân và ông Lò Văn Tại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2021/TLST-HN&GĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm: 1993; nơi ĐKHKTT: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T; sinh năm: 1990; địa chỉ: Bản P, xã M, huyện, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 6 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 2012, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/9/2014. Trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì vì cuộc sống nên cũng có cãi nhau, nhưng đỉnh điểm là cuối năm 2019 mâu thuẫn lớn; nguyên nhân là do anh T đi ngoại tình, chị T và gia đình tôi đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe còn đánh chị T. Do không thể chịu đựng được nên đến 17/3/2021 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ tôi ở cho đến nay. Trong thời gian chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ không quan tâm chăm sóc gì đến chị T, thỉnh thoảng gọi điện

thì cũng chỉ cãi nhau, không hòa hợp. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh T nên chị T đề nghị được ly hôn với anh Thắng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung, cháu Lò Thị Bích H; sinh ngày 15/8/2014 và cháu Lò Thị Thùy T; sinh ngày 29/7/2018. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Thùy T và giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Bích H. Vì mỗi người đều có trách nhiệm nuôi con nên tôi không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng nuôi con của chị T.

Về tài sản chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lò Văn T tham gia tố tụng, tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa anh T trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh T và chị T có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/9/2014; kết hôn tự nguyện, không ai cản trở. Cuộc sống hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn do hai vợ chồng không hiểu nhau, hay cãi nhau. Trong cuộc sống không chia sẻ, quan tâm. Đến nay chị T xin ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 người con chung, cháu Lò Thị Bích H, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Lò Thị Thùy T, sinh ngày 29/7/2018. Nếu hai vợ chồng tôi ly hôn anh T nhận trực tiếp nuôi cháu H, giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu T. Do ai cũng phải có trách nhiệm nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T cho chị Thơm ly h với anh Lò Văn T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Thị Thùy T; sinh ngày 29/7/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; giao cháu Lò Thị Bích H; sinh ngày 15/8/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; do mỗi người đều có trách nhiệm nuôi con nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lò Thị T với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh T có nơi ĐKHKTT tại bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, chị Thơm, anh Thắng có đơn xin vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự và phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/9/2014. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị Thơm và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T được biết, Tòa án sẽ tiến hành hòa giải giữa hai anh chị; tuy nhiên đến phiên hòa giải anh T không có mặt và chị T cũng có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải nữa vì tình cảm với anh T không còn. Để đảm bảo xác định tình trạng hôn nhân của hai anh chị được khách quan, toàn diện; Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị đã có mâu thuẫn, từ đầu năm 2021 đã không còn sống chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó HĐXX thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị T, anh Lò Văn T thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho chị T và anh T mỗi người nuôi một người con chung là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn

tinh thần. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Thùy T; sinh ngày 29/7/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Bích H; sinh ngày 15/8/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T, anh Lò Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị T, anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T, anh T thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T, anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**